

Số: 194 /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO

Tổng kết 04 năm thi hành Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo

Thực hiện Kế hoạch số 2212/KH-TTTP ngày 26/8/2016 của Thanh tra Chính phủ về việc tổng kết đánh giá 4 năm thi hành Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo tổng kết 4 năm thi hành Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo như sau:

I. VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT KHIẾU NẠI, LUẬT TỐ CÁO

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt thực hiện Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo:

Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 11/11/2011 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2012; trong đó: Luật Khiếu nại có 8 chương, 70 điều và Luật Tố cáo có 8 chương, 50 điều. Để thi hành 02 Luật nói trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết một số điều Luật Khiếu nại và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP, ngày 03/10/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo. Đây là những văn bản pháp luật quan trọng, có liên quan và tác động trực tiếp đến quá trình thực hiện chức năng quản lý Nhà nước của các cơ quan, tổ chức về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Để triển khai thực hiện Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Khiếu nại và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo.

2. Việc ban hành các văn bản quy định việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của địa phương:

Từ tháng 7/2012 đến 7/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành các văn bản quy định việc giải quyết khiếu nại, tố cáo như sau:

- Công văn số 2948/UBND-NC ngày 4/6/2012 chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp công dân, kiểm

tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, tồn đọng kéo dài để giải quyết;

- Công văn số 2103/UBND-NC ngày 08/10/2013 về việc thành lập đoàn công tác của tỉnh để kiểm tra, chỉ đạo giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ thị số 08/2013/CT-UBND ngày 18/11/2013 về việc tăng cường công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 28/5/2013 công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh bao gồm: Tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo;

- Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 14/3/2014 quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Công văn số 6537/UBND-NC ngày 10/9/2014 về việc thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Kế hoạch số 1396/KH-UBND ngày 06/3/2014 Tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp tồn đọng;

3. Hoạt động quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo cho cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân:

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, các cấp, các ngành trong tỉnh đã quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh, với các hình thức như: Tổ chức hội nghị tuyên truyền phổ biến pháp luật, triển khai thực hiện “Ngày pháp luật Việt Nam”, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành cuốn bản tin tư pháp, biên soạn và in nhiều tờ gấp tuyên truyền bằng tiếng Kinh và tiếng Ê đê, tổ chức các Hội thi “tuyên truyền viên pháp luật giỏi”, Hội thi “tìm hiểu pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn”, tổ chức tọa đàm, diễn đàn đối thoại giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp...; các văn bản đã quán triệt triển khai thực hiện là: Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo

Từ tháng 7/2012 đến 7/2016, các cấp, các ngành trên địa bàn toàn tỉnh đã tổ chức được 565 lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho 58.121 lượt cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh; phát hành 330 tập văn

bản pháp luật, 94.500 cuốn bản tin tư pháp, biên soạn và in nhiều tờ rơi tuyên truyền pháp luật về khiếu nại, tố cáo bằng tiếng Kinh và tiếng Ê đê.

II. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo (từ ngày 01/7/2012 đến ngày 01/7/2016):

a) Tình hình khiếu nại, tố cáo:

Tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong những năm qua diễn biến phức tạp, tuy số vụ việc khiếu nại, tố cáo hàng năm không tăng nhưng số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, kéo dài, vượt cấp có xu hướng gia tăng; một số vụ khiếu nại, tố cáo mặc dù đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đúng pháp luật, nội dung khiếu nại không có tình tiết mới, vụ việc đã được các cấp, các ngành tiếp nhiều lần và có nhiều văn bản trả lời, hướng dẫn nhưng công dân vẫn chưa đồng tình và lợi dụng số đông để gây áp lực làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của cơ quan nhà nước. Nội dung khiếu nại, tố cáo tập trung chủ yếu trong lĩnh vực đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, chế độ chính sách, việc thực hiện các hình thức giao khoán, tranh chấp đất đai giữa nhân dân với các nông lâm trường..., nếu không tập trung chỉ đạo, quyết liệt, xem xét, giải quyết kịp thời sẽ phát sinh điểm nóng, phức tạp.

b) Nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo:

*** Nguyên nhân khách quan:**

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh trong thời gian qua diễn biến phức tạp; một số phần tử bất mãn trong nước đã móc nối, cấu kết với bọn phản động lưu vong ở nước ngoài, tăng cường hoạt động xây dựng cơ sở, kích động đồng bào dân tộc thiểu số nhằm gây mất ổn định tình hình ANCT, nhất là liên quan đến vấn đề tôn giáo. Mặt khác, một số đối tượng xúi giục, kích động, lôi kéo những người đi khiếu kiện liên kết đông người nhằm gây áp lực cho chính quyền.

- Nhận thức pháp luật nói chung, pháp luật khiếu nại, tố cáo nói riêng của một số bộ phận nhân dân còn hạn chế nên đã gửi đơn không đúng thẩm quyền, đến nhiều cấp, nhiều ngành. Ví dụ: Hợp đồng vay mượn tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản, tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhưng người dân vẫn gửi đến UBND tỉnh đề nghị can thiệp, dẫn đến tình trạng đơn thư có nội dung trùng lặp không đúng thẩm quyền xảy ra nhiều.

- Cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý đất đai còn có những bất cập, thiếu đồng bộ, các văn bản pháp luật về quản lý đất đai, các quy định về giá bồi thường thay đổi thường xuyên do đó áp dụng gặp khó khăn. Luật Đất đai quy định về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại về đất đai chưa đồng bộ, chưa thống nhất với Luật Khiếu nại.

***Nguyên nhân chủ quan**

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương, cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo còn yếu về chuyên môn, chưa nắm vững các quy định của pháp luật. Vì vậy, việc phân loại, xử lý đơn thư còn chưa chính xác dẫn đến tình trạng đơn thư chuyển lòng vòng, giải quyết không đúng thẩm quyền.

Một số cơ quan, đơn vị do chưa nắm vững quy trình, quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo nên khi xử lý đơn thư không ban hành kết luận (đối với đơn tố cáo), không ban hành quyết định (đối với đơn khiếu nại), mà lại ban hành công văn, thông báo để trả lời công dân nên không giải quyết dứt điểm vụ việc khiếu kiện theo quy định của pháp luật.

- Một số vụ việc khiếu nại thời gian xảy ra đã quá lâu, những tồn tại có tính lịch sử, như: Việc cho thuê, cho mượn đất trong nhân dân; việc đưa đất, lao động vào các tập đoàn sản xuất, các nông, lâm trường trước đây, không có hoặc không lưu giữ đầy đủ các tài liệu, sổ sách khi trưng dụng, thu hồi, bồi thường về đất. Vì vậy hồ sơ, tài liệu bị thất lạc, cho nên việc thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ phục vụ cho việc xem xét giải quyết gặp rất nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian.

- Ý thức chấp hành pháp luật của một số người dân chưa tốt, có những trường hợp đơn đã được giải quyết đúng quy định của pháp luật, có lý, có tình, đã có quyết định giải quyết lần hai, vụ việc không phát sinh tình tiết mới nhưng công dân vẫn không đồng ý với kết quả giải quyết và tiếp tục có đơn gửi đến các cấp, các ngành kể cả các cơ quan của Trung ương Đảng và Nhà nước.

- Nhận thức về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đầy đủ. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo của các cấp, các ngành chưa thực sự sâu rộng đến mọi người dân. Do vậy, nhiều công dân chưa nhận thức đầy đủ về Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và quyền, nghĩa vụ của mình nên phát sinh khiếu kiện.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo còn chưa chặt chẽ, có những vụ việc phức tạp, ý kiến giải quyết giữa các cơ quan liên quan còn khác nhau nhưng không trao đổi, bàn bạc thấu đáo dẫn đến việc giải quyết vụ việc không dứt điểm.

2. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo:

2.1. Kết quả đạt được:

a) Về công tác tiếp công dân:

Từ tháng 7 năm 2012 đến tháng 7 năm 2016, các cấp, các ngành trong tỉnh tiếp 24.954 lượt công dân đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh, với 15.290 vụ việc (KN 3.974,

TC 618, KNPA 10.698); trong đó có 56 đoàn đông người với 56 vụ việc (2.050 lượt người/56 vụ việc). Nội dung khiếu nại và kiến nghị, phản ánh như sau:

- Khiếu nại 3.974 vụ việc, gồm: Đất đai 2.559 vụ việc, chế độ công chức, viên chức 57 vụ, chính sách 271 vụ, tài sản 155, tư pháp 246 vụ và lĩnh vực khác 686 vụ việc;

- Tổ cáo 618 vụ việc, gồm: Hành chính 530 vụ việc, tư pháp 83 vụ việc, tham nhũng 05 vụ việc;

- Kiến nghị, phản ánh 10.698 vụ việc với nội dung chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực về quản lý đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, chế độ chính sách...

b) Về tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn:

Trong kỳ, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp nhận là 23.618 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Tổng số đơn phải xử lý là 23.685 đơn (trong đó số đơn chưa được xử lý từ kỳ trước chuyển sang là 67 đơn và đơn tiếp nhận mới là 23.618 đơn), gồm: Khiếu nại 5.377 đơn, tố cáo 1.864 đơn, KNPA 16.444 đơn. Nội dung đơn tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Về khiếu nại 5.377 đơn, gồm: Đất đai 3.108 đơn; chế độ chính sách, công chức, viên chức 295 đơn; tài sản, nhà cửa 239 đơn; tư pháp 330 đơn và nội dung khác 1.405 đơn;

- Về tố cáo 1.864 đơn, gồm: Hành chính 645 đơn; tư pháp 164 đơn, tham nhũng 37, đảng 03 và nội dung khác 1.015 đơn;

- Về kiến nghị, phản ánh 16.444 đơn với nội dung chủ yếu tập trung về công tác quản lý đất đai; bồi thường, giải phóng mặt bằng, chế độ chính sách...

Kết quả xử lý 23.685 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh như sau:

- * Đơn đủ điều kiện xem xét, xử lý là 5.009 đơn, gồm:

- Đơn khiếu nại, tố cáo là 3.273 đơn; trong đó:

- + Số đơn chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền là 597 đơn;

- + Số đơn trả lại và hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền là 1.139 đơn;

- + Số đơn thuộc thẩm quyền là 3.273 đơn (KN 2.760, TC 513).

- Đơn kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện xem xét, xử lý: 1.736 đơn.

- * Đơn không đủ điều kiện xem xét, xử lý là 18.676 đơn (như đơn trùng lặp, đơn nặc danh, đơn không rõ nội dung, địa chỉ...).

c) Về Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền:

*** Giải quyết khiếu nại:**

- Tổng số đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính là 2.760 đơn/2.361 vụ việc; đã giải quyết là 2.672 đơn/2.273 vụ việc, đạt 96%, đang xem xét, giải quyết 88 đơn/ 88 vụ việc, chiếm 04%.

- Kết quả giải quyết: Khiếu nại đúng 310 vụ việc chiếm 14%, khiếu nại sai 1.476 vụ việc, chiếm 65%; khiếu nại đúng một phần 487 vụ việc, chiếm 21%. Qua giải quyết khiếu nại thu hồi cho nhà nước 370.000.000 đồng và 8.185 m² đất các loại, trả lại cho công dân 483.000.000 đồng và 163.878 m² đất các loại.

*** Giải quyết tố cáo:**

- Tổng số đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước là 513 đơn/ 513 vụ việc; đã giải quyết là 484 đơn/484 vụ việc, đạt 94% ; đang xem xét, giải quyết 29 đơn/ 29 vụ việc, chiếm 06%.

- Kết quả giải quyết: Tố cáo đúng 79 vụ, chiếm 16%; tố cáo sai 275 vụ, chiếm 57%; tố cáo đúng một phần 130 vụ, chiếm 27%. Qua giải quyết tố cáo thu hồi về cho nhà nước 3.527.910.116 đồng, trả lại cho công dân 30.000.000 đồng.

2.2. Ưu điểm, hạn chế, bất cập và nguyên nhân:

a) Ưu điểm:

- Các cấp, các ngành trong tỉnh đã chú trọng quan tâm chỉ đạo, thực hiện công tác tiếp công dân, đã bố trí nơi tiếp công dân, trang bị tương đối đầy đủ trang thiết bị cơ sở vật chất làm việc bảo đảm đủ điều kiện để tiếp công dân thường xuyên và tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo. Thực hiện tốt chế độ tiếp công dân theo quy định của pháp luật. Chất lượng công tác tiếp dân đã được nâng lên, công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh được tiếp, giải thích, hướng dẫn và xử lý theo quy định.

- Công tác tiếp nhận, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã có nhiều cố gắng và được các cơ quan, đơn vị thực hiện tương đối tốt, cơ bản đúng trình tự, thủ tục, quy trình các bước theo quy định của pháp luật.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, giải thích, hướng dẫn công dân chấp hành và thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật được các cấp, các ngành chú trọng triển khai do vậy đã đạt được nhiều kết quả khả quan.

- Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 1130/KH-TTTP ngày 10/5/2012 và Kế hoạch số 2100/KH-TTTP ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ về kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại phức tạp tồn đọng, kéo dài, giúp Lãnh đạo tỉnh nắm được các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Trung ương và địa phương để giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài tại địa phương.

b) Hạn chế, bất cập:

- Thủ trưởng một số sở ngành, Chủ tịch UBND một số huyện chưa trực tiếp tiếp công dân theo quy định, chất lượng hiệu quả công tác tiếp công dân chưa cao, chưa gắn công tác tiếp công dân với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo còn có những hạn chế như: Giải quyết khiếu nại, tố cáo còn kéo dài, một số vụ việc khiếu nại, tố cáo chất lượng giải quyết còn thấp, chưa dứt điểm; việc triển khai thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật có vụ việc thực hiện chưa nghiêm túc.

- Chưa có biện pháp xử lý nghiêm đối với cán bộ, công chức, người dân vi phạm Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

- Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở một số địa phương, đơn vị còn hạn chế, chưa triển khai sâu, rộng đến cơ sở, chưa đổi mới hình thức tuyên truyền phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Dẫn đến một bộ phận của nhân dân chưa hiểu rõ về quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo nên còn tình trạng đơn thư gửi vượt cấp, không đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc gửi đơn đến nhiều nơi.

c) Nguyên nhân những hạn chế:

- Pháp luật về khiếu nại, tố cáo còn có những bất cập, thiếu đồng bộ với các văn bản pháp luật khác có liên quan, dẫn đến việc áp dụng thực hiện gặp khó khăn.

- Ý thức pháp luật của một số người dân chưa tốt, có nhiều trường hợp đơn đã được giải quyết đúng quy định của pháp luật, đã có quyết định giải quyết lần hai nhưng công dân vẫn không đồng ý với nội dung giải quyết và tiếp tục có đơn gửi đến nhiều cấp, nhiều ngành kể cả các cơ quan của Trung ương.

- Cán bộ làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các cấp, các ngành còn hạn chế; một số cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ dẫn đến chất lượng giải quyết một số vụ khiếu nại, tố cáo còn thấp, có sai sót.

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai thời gian qua một số đơn vị thực hiện chưa tốt như: Việc xem xét cấp GCNQSD đất còn chậm; diện tích, vị trí đất cấp, tính toán tiền sử dụng đất thiếu chính xác; việc quản lý đất đai còn lỏng lẻo dẫn đến tình trạng lấn chiếm đất trái phép, tranh chấp đất đai trong nhân dân. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất chưa được chú trọng quan tâm đúng mức, chưa đảm bảo công khai, dân chủ, áp dụng pháp luật, vận dụng chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất đôi lúc chưa thống nhất, công bằng dẫn đến mâu thuẫn phát sinh khiếu kiện.

- Việc phối kết hợp khi giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cấp, các ngành chưa cao; một số đơn vị xác định chưa đầy đủ trách nhiệm của mình đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; chưa quan tâm đúng mức đến công tác tuyên truyền PBGDPL để nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện pháp luật cho cán bộ, công chức và công dân.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT KHIẾU NẠI, LUẬT TỐ CÁO

1. Những mặt được:

Từ khi Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo năm 2011 có hiệu lực thi hành, nhìn chung đã chấn chỉnh, hoàn thiện được những bất cập, hạn chế, tồn tại của Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 và được sửa đổi, bổ sung vào năm 2004, 2005; đây là cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền khiếu nại, quyền tố cáo và các cơ quan nhà nước có cơ sở pháp lý để giải quyết khiếu nại, tố cáo. Sau khi Luật được ban hành, Chính phủ, các cấp, các ngành đã ban hành nhiều quy định, hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Căn cứ các văn bản này, hàng năm các cấp, các ngành đã giải quyết nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo. Thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức; nhiều hành vi vi phạm pháp luật cũng được phát hiện, các cơ quan nhà nước đã xử lý nhiều tổ chức, cá nhân có sai phạm, góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, ổn định trật tự, an toàn xã hội; đồng thời phát hiện nhiều sơ hở trong công tác quản lý, từ đó có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước.

2. Những hạn chế, bất cập:

a) Đối với Luật Khiếu nại:

- Điều 11 Luật Khiếu nại quy định, khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý giải quyết: Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng hoặc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, nhưng trong thực tế nhiều vụ việc khiếu nại vẫn được chỉ đạo giải quyết, nếu giải quyết thì có vi phạm Luật không.

- Luật Khiếu nại đã quy định, người giải quyết khiếu nại tiến hành đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (giải quyết lần 2 là bắt buộc), trong thực tế thực hiện theo quy định này khó thực hiện vì: Người giải quyết khiếu nại thường là Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Bộ trưởng do bận nhiều việc nên yêu cầu họ phải tổ chức đối thoại trước khi ban hành quyết định giải quyết rất khó thực hiện, còn nếu thực hiện được thì việc giải quyết vụ việc thường bị kéo dài, vi phạm thời hạn giải quyết.

- Điều 33 Luật Khiếu nại quy định thời hạn khiếu nại lần 2 hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án là 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, nhưng Điều 44 Luật Khiếu nại lại quy định hiệu lực pháp luật của quyết định giải quyết khiếu nại là 30 ngày kể từ ngày ban hành, như vậy cách tính thời hạn tại 2 điều này là không giống nhau. Đồng thời Điều 33 cũng quy định người khiếu nại có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2 nếu đã hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu mà không được giải quyết, nhưng trong thực tế khi xem xét các trường hợp này nếu cấp dưới chưa giải quyết thì thường cấp trên có văn bản yêu cầu cấp dưới phải giải quyết thì việc giải quyết đó có đúng Luật không.

- Điều 44 Luật Khiếu nại quy định quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày; quy định này chưa thống nhất với Luật Tố tụng hành chính quy định thời hiệu để khởi kiện vụ án hành chính là 01 năm, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính.

- Luật Khiếu nại chưa quy định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định giải quyết khiếu nại khi phát hiện có sai sót; nhưng Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại thì quy định người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại không được tự mình sửa lại quyết định đã giải quyết khi phát hiện có sai sót là không phù hợp với pháp luật.

- Điều 67, 68 Luật Khiếu nại quy định về xử lý hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại của người giải quyết khiếu nại, người khiếu nại và những người khác có liên quan, nhưng trong thực tế áp dụng điều này để xử lý những người có hành vi vi phạm Luật Khiếu nại là khó thực hiện, cần sửa đổi để luật thực sự đi vào cuộc sống.

b) Đối với Luật Tố cáo:

- Về thẩm quyền giải quyết tố cáo: Khoản 1 Điều 12 Luật Tố cáo quy định “Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức đó giải quyết”. Tuy nhiên, trong thực tế nhiều vụ việc cụ thể, việc áp dụng xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo theo quy định còn chưa thống nhất, còn có những vướng mắc do xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo tại thời điểm tố cáo hay tại thời điểm người bị tố cáo thực hiện hành vi bị tố cáo. Cụ thể như xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo trong các trường hợp người bị tố cáo đã chuyển công tác; cơ quan, tổ chức, đơn vị có người bị tố cáo công tác đã giải thể hoặc sát nhập sang đơn vị mới; cán bộ, công chức đã về hưu nhưng bị tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật lúc đương nhiệm; hoặc trường hợp tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức tại thời điểm cán bộ, công chức đó giữ chức vụ thấp nhưng tại thời điểm tố cáo, cán bộ, công chức này đã giữ chức vụ cao hơn, ví dụ như người bị tố cáo là Chủ tịch UBND cấp xã đã được bổ nhiệm lên Chủ tịch UBND cấp huyện thì

người có thẩm quyền giải quyết tố cáo là Chủ tịch UBND cấp huyện hay là Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Về thời hiệu tố cáo: Hiện nay có nhiều tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật đã diễn ra từ lâu, không còn tính nguy hiểm cho xã hội nhưng cơ quan nhà nước vẫn thụ lý và xem xét, giải quyết. Điều này gây tốn kém, lãng phí trong quá trình giải quyết tố cáo. Pháp luật hiện hành không quy định về thời hiệu tố cáo hành chính. Do vậy, cần phải nghiên cứu để có quy định về thời hiệu tố cáo hành vi vi phạm pháp luật “chưa phải là tội phạm” trong lĩnh vực hành chính để phù hợp với pháp luật hình sự và Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

- Điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Tố cáo quy định: Người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết tố cáo khi tố cáo về vụ việc mà nội dung và những thông tin người tố cáo cung cấp không có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật. Quy định này là không phù hợp vì khi chưa kiểm tra, xác minh thì chưa có cơ sở để kết luận người vi phạm, hành vi vi phạm, mà để kiểm tra, xác minh thì phải thụ lý, giải quyết.

- Về tố cáo tiếp: điểm b, c Khoản 2 Điều 27 Luật Tố cáo quy định “Trường hợp việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cấp dưới trực tiếp là đúng pháp luật thì không giải quyết lại, đồng thời thông báo cho người tố cáo về việc không giải quyết lại và yêu cầu họ chấm dứt việc tố cáo; trường hợp việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp là không đúng pháp luật thì tiến hành giải quyết lại...”. Nhưng trong thực tế rất khó để xác định được “việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp là đúng pháp luật” hoặc “việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp là không đúng pháp luật” nếu như không xác minh, xem xét vụ việc cụ thể đó. Mặt khác, Điều 27 cũng quy định chỉ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo tiếp phải xác định được vụ việc đó được giải quyết đúng pháp luật hoặc không đúng pháp luật là khó khả thi trong thực tế. Do đó, cần có quy định hướng dẫn cụ thể về nội dung này và quy định thời hạn mang tính linh động hơn.

- Về bảo vệ người tố cáo: Việc bảo vệ người tố cáo đã được Luật Tố cáo và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo đã quy định, nhưng trong thực tế các quy định về bảo vệ người tố cáo chưa thật sự đi vào cuộc sống, chưa thật sự tạo nên thiết chế khiến người tố cáo yên tâm, dẫn đến vẫn còn tố cáo nặc danh, mạo danh nhiều. Đối với những trường hợp hợp cố tình tố cáo sai sự thật có cần thiết phải giữ bí mật người tố cáo không. Vì vậy, cần phải quy định cụ thể để Luật thực sự đi vào cuộc sống.

- Về tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ: Luật Tố cáo không quy định cụ thể đối với xử lý đơn tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ, nếu như đơn có nội dung rõ ràng, người tố cáo cung cấp đầy đủ thông tin, hoặc các bằng chứng khác được kiểm chứng xác thực

thì cơ quan có thẩm quyền có thể thụ lý giải quyết nhằm bảo vệ lợi ích công bằng và đáp ứng yêu cầu phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng trong thực tế nhiều vụ việc tố cáo không rõ họ, tên địa chỉ, ... của người tố cáo vẫn được một số cơ quan xem xét, giải quyết hoặc một số trường hợp thì không xem xét, do vậy, trong thực tế đã gây ra sự thiếu thống nhất trong hoạt động áp dụng pháp luật.

- Về chuyển từ khiếu nại sang tố cáo, sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 hoặc lần 2 với kết quả giải quyết là bác đơn khiếu nại thì công dân chuyển sang tố cáo cán bộ, công chức của cơ quan tham mưu và người giải quyết khiếu nại, vấn đề này trong thực tế xảy ra nhiều nhưng trong Luật Tố cáo cũng như Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ chưa quy định và hướng dẫn.

- Về vấn đề xử lý hành vi vi phạm pháp luật tố cáo: Việc xử lý hành vi vi phạm các quy định pháp luật về tố cáo theo quy định tại Điều 46, 47 và Điều 48 Luật Tố cáo còn gặp nhiều khó khăn. Trong thực tế pháp luật còn thiếu các quy định cụ thể về việc xử phạt vi phạm trong lĩnh vực tố cáo. Do vậy, các cơ quan còn lúng túng khi xử lý đối với những hành vi vi phạm quy định pháp luật về tố cáo.

IV. KIẾN NGHỊ

Để giải quyết tốt các khiếu nại, tố cáo của công dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk kiến nghị Trung ương một số nội dung sau:

1. Nghiên cứu, xem xét sửa đổi Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các luật khác có liên quan như: Luật Đất đai, Luật Tổ tụng hành chính, Luật xử phạt vi phạm hành chính... nhằm khắc phục các hạn chế, bất cập nêu trên, thống nhất và dễ áp dụng trong thực tế.

2. Thanh tra Chính phủ thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho cán bộ chuyên trách làm công tác này tại các cấp, các ngành nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

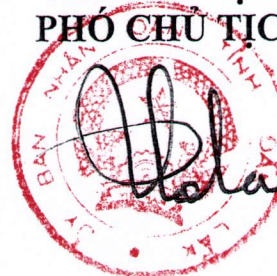
Trên đây là Báo cáo tổng kết 4 năm thực hiện Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh báo cáo Thanh tra Chính phủ theo quy định.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban NC Tỉnh ủy;
- CVP, PCVP (đ/c Nguyễn Tiên Dũng);
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC (th.65b).

(báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh